

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ



DINH VU PORT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm báo cáo: 2022

Hải Phòng, tháng 3 năm 2023

Số: 04 /BCTN-DVP

Hải Phòng, ngày 10 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2022

Kính gửi : Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
: Sở giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh.

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0200511481;
- Vốn điều lệ: 400.000.000.000 đồng (Bốn trăm tỉ đồng);
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 400.000.000.000 đồng (Bốn trăm tỉ đồng);
- Địa chỉ: Cảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng
- Số điện thoại: 0225.3.769.992;
- Số fax : 0225.3.769.992;
- Website: www.dinhvuport.com.vn;
- Mã cổ phiếu: DVP;
- Quá trình hình thành và phát triển:
 - + Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ được thành lập theo Quyết định số 990/QĐ-TGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam;
 - + Ngày 19 tháng 12 năm 2002 Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Ngày 14/01/2003 Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ chính thức đi vào hoạt động;
 - + Ngày niêm yết: Ngày 01 tháng 12 năm 2009 Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh theo Quyết định số 147/QĐ-SGDHCM ngày 24 tháng 11 năm 2009 theo nội dung sau:



- + Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông;
- + Mã chứng khoán: DVP;
- + Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đ/cổ phiếu;
- + Số lượng cổ phiếu niêm yết: 40.000.000 cổ phiếu;
- + Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 400.000.000.000 đồng (Bốn trăm tỉ đồng).

- Các sự kiện khác:

Ngày 25/02/2005 Công ty được Cục Hàng Hải Việt nam cấp giấy phép đưa cầu cảng số 1 vào khai thác tại Quyết định số 87/QĐ CHHVN cho phép tàu có trọng tải 20.000 DWT ra vào khai thác. Cảng Đình vũ chính thức được đưa vào khai thác;

Ngày 13/06/2008 Công ty được Cục Hàng Hải Việt nam cấp giấy phép đưa cầu cảng số 2 vào khai thác tại Quyết định số 377/QĐ CHHVN cho phép tàu có trọng tải 20.000 DWT ra vào khai thác. Nâng tổng số chiều dài cầu lên 425m;

- Các thành tích đạt được trong năm 2022:

Top 500 doanh nghiệp Lợi nhuận tốt nhất Việt Nam năm 2022 (PROFIT500) do Công ty CP Báo cáo đánh giá VN (VietnamReport) đánh giá xếp hạng;

Top 5 Công ty uy tín trong ngành logistics - nhóm khai thác cảng năm 2022 (lần thứ 3 liên tiếp các năm 2020-2021-2022) do Công ty CP Báo cáo đánh giá VN (VietnamReport) đánh giá xếp hạng.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
2	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
3	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
4	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
5	Cung ứng lao động tạm thời	7820
6	Bốc xếp hàng hóa	5224
7	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: - Kinh doanh bất động sản (bao gồm kinh doanh nhà, cho thuê kho, bãi, cho thuê văn phòng)	6810

8	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: - Dịch vụ giao nhận hàng hóa, khai thuê hải quan - Dịch vụ nâng cầu hàng hoá - Dịch vụ kiểm đếm hàng hóa - Dịch vụ đóng gói liên quan đến vận tải - Dịch vụ môi giới thuê tàu biển - Dịch vụ logistics - Dịch vụ đại lý tàu biển (bao gồm dịch vụ cung ứng tàu biển) - Dịch vụ đại lý vận tải đường biển - Dịch vụ vận tải đa phương thức (không bao gồm dịch vụ vận chuyển hàng không và kinh doanh hàng không chung)	5229
9	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: - Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hoá	8299
10	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến - Bán buôn xi măng (bao gồm phụ gia xi măng, clinker) - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi - Bán buôn kính xây dựng - Bán buôn sơn, vécni - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh - Bán buôn đồ ngũ kim, hàng kim khí, tôn mạ màu	4663
11	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
12	Chuẩn bị mặt bằng: - San lấp mặt bằng	4312
13	Phá dỡ	4311
14	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
15	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: - Khách sạn	5510

11/01/2011



	- Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	
16	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (trừ quầy bar)	5610
17	Đại lý du lịch	7911
18	Điều hành tua du lịch	7912
19	Xây dựng nhà để ở	4101
20	Xây dựng nhà không để ở	4102
21	Xây dựng công trình điện Chi tiết: Thi công, lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 35KV	4221
22	Xây dựng công trình cấp, thoát nước Chi tiết: Xây dựng công trình thuỷ lợi	4222
23	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
24	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp	4293
25	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị	4299
26	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
27	Xây dựng công trình đường sắt Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông	4211
28	Xây dựng công trình đường bộ Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông	4212
29	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xếp dỡ hàng hoá; Cho thuê thiết bị vận tải đường thuỷ không kèm người điều khiển	7730

30	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan: - Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan	4661
31	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy thủy - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)	4659
32	Cho thuê xe có động cơ	7710
33	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Vận tải hành khách bằng taxi	4931
34	Vận tải hành khách đường bộ khác: - Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh - Vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng	4932
35	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
36	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
37	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
38	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
39	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
40	Bán buôn kim loại và quặng kim loại: - Bán buôn sắt, thép - Bán buôn quặng kim loại - Bán buôn đồng, chì, nhôm, inox	4662
41	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
42	Tái chế phế liệu: - Phá hủy tàu	3830

- + Vận tải đường bộ;
- + Bãi container và kho;
- + Container hàng hóa đóng gói, khai thác kho CFS;
- + Khai thác kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- + Giao nhận vận tải bằng đường biển, đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường hàng không;
- + Dịch vụ sửa chữa container;
- + Dịch vụ Hải quan;
- Vốn điều lệ thực góp: 123.627.173.950 đồng.
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ tại Công ty TNHH tiếp vận SITC- Đình Vũ: 49%.

3.4.2 Công ty cổ phần Tiếp vận Đình Vũ

- Địa chỉ: Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Hải Phòng.
- Lĩnh vực kinh doanh chính:
- + Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- + Bốc xếp hàng hóa;
- + Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- + Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- + Vận tải hàng hóa đường sắt, đường bộ đường thủy nội địa, ven biển và viễn dương;
- Vốn điều lệ thực góp: 13.680.000.000 đồng.
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ tại Công ty cổ phần Tiếp vận Đình Vũ: 45,6%.

4. Định hướng phát triển

Kể từ khi dịch Covid-19 bùng phát đến nay, thế giới đã phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, các yếu tố rủi ro, bất định gia tăng cùng với sự thay đổi chính sách rất nhanh của các nền kinh tế lớn. Sang năm 2022, mặc dù tình hình dịch Covid-19 có xu hướng được kiểm soát nhưng vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp, kết hợp với xung đột Nga - Ucraina và sự xuất hiện nhiều yếu tố mới đã làm tăng thêm khó khăn, thách thức như căng thẳng năng lượng, giá dầu và hàng hóa thế giới tăng cao; chuỗi cung ứng sản xuất, tiêu dùng tiếp tục bị đứt gãy trong thời gian dịch Covid-19 bùng phát toàn cầu; chính sách tài khóa, tiền tệ được nhiều nền kinh tế

điều chỉnh theo hướng thắt chặt để kiểm chế lạm phát đã tác động tới khả năng phục hồi và tăng trưởng kinh tế, một số nền kinh tế có dấu hiệu suy thoái;

Ở Việt Nam kết thúc năm 2022, tăng trưởng kinh tế đã phục hồi tích cực với những tiến triển tốt và đồng đều trên các lĩnh vực, GDP năm 2022 tăng 8,02%, lập kỷ lục trong hơn 10 năm qua;

Riêng với ngành vận tải biển nửa đầu năm 2022 do giá cước quốc tế tăng cao, nhu cầu vận chuyển đường biển tăng nên hoạt động của các doanh nghiệp vận tải biển và Logistics vẫn đạt kết quả tốt. Hoạt động của Công ty cũng được hưởng lợi một phần từ xu thế chung này, nhờ vậy lợi nhuận cả năm 2022 đạt 100,02% so với kế hoạch;

Năm 2023, theo đánh giá chung thị trường vận tải container đã kết thúc chu kỳ tăng và bước vào giai đoạn điều chỉnh, do diễn biến cung - cầu. Về nhu cầu, sức mua yếu vẫn khó sớm cải thiện. Nhu cầu tiêu dùng sẽ tiếp tục yếu trong năm 2023 trong bối cảnh lạm phát cao;

Trong khi đó giai đoạn 2023 và 2024 là thời điểm mà nhiều hãng tàu sẽ nhận bàn giao một số lượng lớn tàu container đóng mới đã được đặt hàng trước đây, khiến nguồn cung tăng mạnh. Theo Lloyd's List - tạp chí vận tải lâu đời của Anh - công suất đội tàu container thế giới năm nay sẽ tăng thêm 7,8%, trong khi tốc độ tăng nhu cầu vận chuyển chỉ ở mức 3,5%. Sang 2024, công suất tiếp tục tăng thêm 8,3%, nhưng nhu cầu có thể vẫn chỉ tăng 3,5%. Như vậy, thị trường sẽ bước vào giai đoạn thừa cung rất lớn trong 2023 và 2024, khiến cho sự cạnh tranh vô cùng khốc liệt trong thời gian tới;

Vì vậy Công ty đã xác định định hướng phát triển trong thời gian tới như sau:

- Tiếp tục đầu tư nâng cao chất lượng dịch vụ, củng cố phát triển thị trường, xây dựng thương hiệu mạnh để giữ vững và mở rộng thị phần của Công ty;

- Phối hợp với các hãng tàu/ khách hàng tăng cường công tác tiếp thị để phát triển các tuyến dịch vụ và phát triển nguồn hàng để nâng cao sản lượng thông qua cảng.

- Tập trung tìm kiếm các cơ hội để đầu tư cơ sở hạ tầng kho bãi và depot ở khu vực ngoài cảng;

- Về nhân lực, tập trung tuyển nhân sự trẻ, chất lượng cao để tối đa hóa khả năng tìm người phù hợp và đạt được hiệu quả cao nhất cho Công ty.

5. Các rủi ro

5.1 Rủi ro về kinh tế:

Môi trường kinh tế với những nhân tố cơ bản như tốc độ tăng trưởng kinh tế, chỉ số lạm phát, lãi suất... là yếu tố khách quan nhưng tác động trực tiếp đến sự phát triển của mọi ngành sản xuất, dịch vụ cũng như mọi doanh nghiệp. Hoạt động



sản xuất kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp từ những biến động vĩ mô nói trên của nền kinh tế, đặc biệt là kinh tế thế giới do Công ty hoạt động trong lĩnh vực khai thác cảng và cung cấp dịch vụ kho bãi, logistics;

a) Kết thúc năm 2022, tăng trưởng kinh tế năm 2022 phục hồi tích cực với những tiến triển tốt và đồng đều trên cả 3 khu vực, trong đó khu vực nông, lâm, thủy sản tăng 3,36%; công nghiệp và xây dựng tăng 7,78%; dịch vụ tăng 9,99%. GDP năm 2022 tăng 8,02%, lập kỷ lục trong hơn 10 năm qua.

Là một Công ty hoạt động trong ngành dịch vụ cảng biển, kho bãi và logistics, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty chịu tác động trực tiếp bởi tình hình sản xuất công nghiệp và thương mại trong nước và quốc tế. Do đó, tốc độ tăng trưởng kinh tế là một chỉ báo quan trọng không những phản ánh tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mà còn là công cụ quan trọng để Công ty dự báo các chiến lược phát triển trung và dài hạn.

b) Bình quân năm 2022, lạm phát cơ bản tăng 2,59% so với năm 2021, thấp hơn mức CPI (Chỉ số giá tiêu dùng - Consumer Price Index) bình quân chung (tăng 3,15%), điều này phản ánh biến động giá tiêu dùng chủ yếu do giá lương thực, xăng, dầu và gas tăng. Như vậy, trong năm 2022 mặt bằng giá cơ bản được kiểm soát, tuy nhiên áp lực lạm phát năm 2023 là rất lớn.

Đối với doanh nghiệp dịch vụ cảng, chỉ số lạm phát ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua chi phí đầu vào, đặc biệt là giá xăng dầu và giá nhân công. Bên cạnh đó, tình hình lạm phát cũng ảnh hưởng đến khối doanh nghiệp sản xuất hàng xuất nhập khẩu - những khách hàng sử dụng dịch vụ của Công ty. Để giảm thiểu ảnh hưởng của lạm phát đến hoạt động, Công ty luôn chủ động tăng cường các hoạt động kiểm soát định mức chi phí và quản lý biến động giá cả đầu vào.

5.2 Rủi ro về Pháp luật:

Rủi ro về luật pháp là rủi ro mang tính hệ thống, có ảnh hưởng chung đến toàn ngành. Những thay đổi trong chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ đều có những tác động nhất định đến hoạt động của Công ty. Hoạt động dưới sự điều chỉnh của pháp luật Việt Nam, Công ty chịu nhiều rủi ro do hệ thống pháp luật chưa chặt chẽ và còn nhiều quy định chồng chéo. Bất kỳ điều chỉnh nào trong những quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định khác liên quan đến ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty đều có ảnh hưởng và tác động đến hoạt động và kết quả kinh doanh của Công ty. Để giảm thiểu rủi ro nhân viên, đồng thời sẽ tham khảo thêm với các tổ chức tư vấn luật pháp khi cần thiết về luật pháp, Công ty luôn duy trì việc cập nhật các quy định Pháp luật mới đối với toàn bộ công.

5.3 Rủi ro đặc thù ngành:

a) Rủi ro ngành:

Hoạt động kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng trực tiếp bởi chính sách quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và các nước bao gồm chính sách thuế, phí và chính sách kiểm dịch, an toàn vệ sinh và kiểm tra các tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, chính sách quản lý đặc thù đối với mỗi loại hàng hóa trong từng thời kỳ...;

Năm 2022, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 371,9 tỷ USD, tăng 10,6%; nhập khẩu hàng hóa đạt 360,7 tỷ USD, tăng 8,4%. Cán cân thương mại hàng hóa năm 2022 xuất siêu 11,2 tỷ USD. Tốc độ tăng trưởng xuất nhập khẩu duy trì mức tăng tốt trong Quý I/2022 nhưng đã giảm tốc dần theo thời gian từ Quý III/2022. Nguyên nhân của hiện tượng này là do FED tăng tốc thắt chặt chính sách tiền tệ và tạo nên xu hướng tăng lãi suất của các ngân hàng trung ương trên toàn cầu. Mức độ thắt chặt như vậy đã tác động vào nhu cầu tiêu dùng của nền kinh tế Thế giới, từ đó khiến số lượng đơn đặt hàng hóa xuất khẩu Việt Nam suy yếu. Đồng thời việc Trung Quốc vẫn thực hiện chính sách Zero-Covid cũng đã tác động đến sản lượng hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam bị suy giảm;

Trong thời gian vừa qua, hoạt động của Công ty chịu sự ảnh hưởng lớn của thị trường hàng hóa xuất nhập khẩu từ Trung Quốc. Công ty luôn theo sát và cập nhật tình hình thị trường để có thể ứng phó trong mọi tình huống.

b) Rủi ro giá nhiên liệu:

Do hoạt động ngành giao thông vận tải và giao nhận hàng hóa nên hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng bởi tăng giảm giá nhiên liệu. Tuy nhiên do xăng dầu phụ thuộc hoàn toàn vào tình hình thế giới, Công ty chỉ có thể điều chỉnh giá dịch vụ một cách tương ứng và phù hợp với thị trường.

c) Rủi ro cạnh tranh:

Sau khi cảng Lạch Huyện và tiếp tục một số cảng mới được đưa vào khai thác đã tạo ra sức ép cạnh tranh đối với hệ thống các cảng khu vực Đình Vũ, Bạch Đằng, Sông Cấm, Sông Tranh nói chung và đối với Cảng Đình Vũ nói riêng. Có quá nhiều cảng mới đưa vào khai thác trong khi lượng hàng hóa thông qua khu vực tăng trưởng không tương ứng với tốc độ phát triển cảng;

Công ty đang phải đối mặt với tình trạng cạnh tranh về giá giữa các cảng trong khu vực Hải Phòng. Các doanh nghiệp cùng ngành sẵn sàng giảm sâu giá hoặc chấp nhận lỗ để thu hút khách hàng. Đây chính là những thách thức lớn và rủi ro trong cạnh tranh đối với Cảng Đình Vũ trong giai đoạn hiện nay. Tuy nhiên Ban Điều hành Công ty đã thấy rõ các thách thức này và đã chủ động tăng cường hợp tác chặt chẽ với các hãng tàu/ khách hàng, chủ động có những chính sách linh hoạt, phù hợp, kết hợp nâng cao chất lượng dịch vụ để duy trì các tuyến dịch vụ nhằm đảm bảo nguồn hàng, ổn định hoạt động SXKD của Công ty;

dk

dk

Bên cạnh việc duy trì dịch vụ khai thác cảng, Công ty đã triển khai hoạt động kinh doanh khai thác depot tại khu công nghiệp Minh Phương nhằm cung cấp các dịch vụ lưu container rỗng, lưu hàng hóa, bảo dưỡng sửa chữa container... nhằm khép kín quy trình cung cấp dịch vụ trọn gói cho khách hàng và hãng tàu với giá cả cạnh tranh.

d) Rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh:

Cập nhật kịp thời các thay đổi về môi trường, khí hậu, thời tiết, dịch bệnh để lập phương án ứng phó kịp thời;

Thành lập các ban Chỉ huy phòng chống thiên tai, An ninh cảng biển; Đội Phòng cháy chữa cháy, cứu hộ cứu nạn; Hội đồng BHLĐ; Đoàn kiểm tra công tác ATVSLĐ...;

Xây dựng các phương án Phòng cháy chữa cháy, cứu hộ cứu nạn; Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu... tổ chức diễn tập định kỳ theo quy định của Pháp luật;

Kiểm tra định kỳ các thiết bị an toàn, PCCC, hệ thống điện, nước, .. việc tuân thủ các quy định về an ninh, an toàn vệ sinh lao động;

Tuân thủ nghiêm mọi quy định về Phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường;

Thực hiện ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định;

Đầu tư thiết bị sử dụng công nghệ tái tạo năng lượng, hướng đến sử dụng năng lượng sạch;

Thực hiện ký hợp đồng bảo hiểm cho các phương tiện, thiết bị xếp dỡ chính của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2022:

Các chỉ tiêu	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	So sánh thực hiện năm 2022 (%)	
			Năm 2021	TH/KH 2022
Sản lượng Container (teu)	641.500	556.304	92,55	86,72
Qui đổi tấn thông qua		8.344.560	92,55	86,72
Tổng D.Thu (tỷ đồng):	725	684,635	98,97	94,43
LN trước thuế (tỷ đồng)	345	345,055	101,70	100,02

b) Những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, thị trường:

Đại dịch Covid-19 bùng phát từ cuối năm 2019 kéo dài sang năm 2022 ảnh hưởng đến nhiều nước trên thế giới trong đó có Việt Nam. Các quyết định phòng chống dịch ở Trung Quốc, nhiều thành phố của nước này áp dụng các biện pháp nhằm hạn chế lây lan của chủng vi rút có khả năng lây nhiễm cao đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến thương mại giữa Việt Nam và Trung Quốc;

Chiến tranh giữa Nga và Ukraine (từ tháng 2 năm 2022), cấm vận kinh tế giữa các nước lớn dẫn đến đứt gãy chuỗi sản xuất, cung ứng hàng hóa trên toàn cầu, giá cả hàng hóa leo thang, lạm phát, phá sản và đặc biệt chi phí vận tải biển tăng vọt, thời gian vận chuyển kéo dài;

Các hãng tàu đã dần nâng cỡ tàu khai thác tại khu vực Hải Phòng, trong khi đó độ sâu luồng Bạch Đằng không đáp ứng được các tàu có tải trọng lớn. Do đó các tàu lớn đã chuyển từ khu vực sông Cấm, Đình Vũ ra khai thác tại khu vực Lạch Huyện - Cát Hải, Cảng Cái Lân - Quảng Ninh;

- Sản lượng hàng hóa thông qua khu vực Hải Phòng đi xuống từ Quý III/2022.

c) Tình hình thực hiện so với kế hoạch năm 2022:

Chỉ tiêu sản lượng đạt 86,72% so kế hoạch năm 2022, bằng 92,55% so thực hiện năm 2021;

Chỉ tiêu doanh thu đạt 94,43% so kế hoạch năm 2022, bằng 98,97% so thực hiện năm 2021;

Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế: đạt 100,02% so kế hoạch năm 2022, bằng 101,70% so thực hiện năm 2021;

Chỉ tiêu sản lượng hàng hóa thông qua Cảng, doanh thu bị sụt giảm, thực hiện không đạt được so kế hoạch năm 2022 nguyên nhân chính do:

Sự cố hàng hải ngày 10/8/2022 cản trở STS01 tại cầu tàu số 2 Cảng Đình Vũ bị tàu Tiger Maanshan đâm va gây hư hỏng thiết bị, dẫn đến thiệt hại về thiết bị, toàn bộ cầu tàu số 2 không thể tiếp nhận và khai thác tàu cho đến đầu tháng 12/2022;

Lịch tàu thường xuyên thay đổi, nhiều tàu vào cuối tuần thường xuyên trôi lịch sang tuần liền kề gây ảnh hưởng trong việc sắp xếp cầu bến khai thác tàu;

Khách hàng lớn của Công ty liên tục sắp xếp lại các service làm ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động khai thác của Cảng.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành

2.1.1 Tổng Giám đốc Công ty: Ông Cao Văn Tĩnh

- Sinh ngày 23/05/1969. Dân tộc Kinh. Quốc tịch: Việt nam;

- Trình độ chuyên môn: Đại học hàng hải-Kỹ sư máy xếp dỡ, Đại học Bách khoa- Kỹ sư QTDN;

- Quá trình công tác:

+ Từ 09/1986-12/1989: Học trường sỹ quan kỹ thuật vũ khí đạn;

+ Từ 01/1990- 01/1992: Trung úy- Đại đội trưởng đại đội bảo quản kho KV2-Cục vũ khí;

+ Từ 08/1992- 07/1997: Học trường Đại học Hàng hải;

+ Từ 06/1998- 05/1999: Cán bộ kỹ thuật- Xí nghiệp xếp dỡ container/ Cảng Hải phòng;

+ Từ 05/1999- 08/2004: Cán bộ kỹ thuật, trưởng phòng kỹ thuật Công ty CP dịch vụ kỹ thuật/ Cảng Hải phòng;

+ Từ 09/2004- 2/2009: Trưởng phòng kỹ thuật Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ;

+ Từ 02/2009- 06/2017: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ;

+ Từ tháng 7/2017 đến nay: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ;

+ Từ tháng 6/2018 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ;

- Đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng với 16% vốn điều lệ tương đương 6.400.000 cổ phần có quyền biểu quyết;

- Số cổ phần sở hữu cá nhân 3.600 cổ phần có quyền biểu quyết, tương đương 0,009% vốn điều lệ;

Tổng số cổ phần sở hữu và đại diện: 6.403.600 cổ phần có quyền biểu quyết tương đương 16,009% vốn điều lệ.

2.1.2 Phó Tổng giám đốc phụ trách kinh doanh: Ông Triệu Thế Thuận

- Sinh ngày 11/6/1971. Dân tộc Kinh. Quốc tịch: Việt nam;

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngoại ngữ Trung - Anh, Cử nhân kinh tế;

- Quá trình công tác:

+ Từ 6/1993 – 5/1996: Hướng dẫn viên Công ty Du lịch Dịch vụ Hải Phòng;

+ Từ 6/1993 – 5/2002: Hướng dẫn viên Chi nhánh Công ty Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Thắng Lợi Hà Nội tại Hải Phòng;

+ Từ 6/2002 – 9/2002: Trưởng Phòng xuất khẩu lao động – Công ty cung ứng lao động Hải Phòng;

+ Từ 10/2002 – 9/2004: Đại lý viên Công ty dịch vụ hàng hải Phương Đông, Đại lý hàng hải Việt Nam;

+ Từ 10/2004 – 6/2009: Nhân viên chi nhánh Công ty TNHH China Shipping Việt Nam tại Hải Phòng;

+ Từ 7/2009 – 12/2009: Trưởng Phòng Kế hoạch thị trường, Công ty Cổ phần vận tải Container Đông Đô - Cảng Hải Phòng;

20
CỔ
CỔ
ĐẠI
ĐỊ
4N

+ Từ 01/2010 – 8/2011: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần vận tải Container Đông Đô - Cảng Hải Phòng;

+ Từ 9/2011 – 11/2013: Phó Phòng Kế hoạch Kinh doanh, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ;

+ Từ 12/2013 – 8/2014: Phụ trách Phòng Kế hoạch Kinh doanh, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ;

+ Từ 9/2014 – 11/4/2019: Trưởng Phòng Kế hoạch Kinh doanh, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ;

+ 12/4/2019 - đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ.

Tổng số cổ phần sở hữu: 4.000 cổ phần có quyền biểu quyết tương đương 0,01% vốn điều lệ.

2.1.3 Kế toán trưởng: Ông Đoàn Minh Trung

- Sinh ngày 10/07/1971. Dân tộc Kinh. Quốc tịch: Việt nam;

- Trình độ chuyên môn: Đại học kế toán tài chính - cử nhân kế toán tài chính thương mại;

- Quá trình công tác:

+ Từ 10/1992-03/1993: Nhân viên kế toán Cảng Hải phòng;

+ Từ 04/1993- 12/1994: Nhân viên kế toán – Xí nghiệp II/Cảng Hải phòng;

+ Từ 01/1995- 09/1997: Nhân viên kế toán – Xí nghiệp Container/Cảng Hải phòng;

+ Từ 10/1997- 01/2003: Chuyên viên phòng kế toán- Cảng Hải phòng;

+ Từ 02/2003- Nay: Kế toán trưởng, trưởng phòng Tài chính kế toán- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình vũ;

- Số cổ phần sở hữu: 60.000 cổ phiếu tương ứng 0,15% vốn điều lệ.

2.2 Những thay đổi trong ban điều hành: Không có

2.3 Số lượng CBCNV tính đến ngày 31/12/2022: 429 người.

2.4 Tóm tắt chính sách đối với người lao động:

a) Mục tiêu:

Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động theo hướng ngày càng được cải thiện, làm cho người lao động luôn tin tưởng, gắn bó và tận tâm vì sự phát triển của Công ty.

b) Hành động:

Đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động;

Đảm bảo chăm sóc y tế, khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, thực hiện tốt chế độ thai sản đối với người lao động nữ;

Người lao động được tham gia đầy đủ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp;

Người lao động được đào tạo, được nâng cao tay nghề thích hợp với vị trí chức danh công việc. Thực hiện chế độ nâng lương, nâng bậc hàng năm;

Chú trọng công tác an toàn – vệ sinh lao động đảm bảo môi trường làm việc an toàn, vệ sinh;

Tuân thủ và thực hiện tốt các quy định của pháp luật về chế độ chính sách đối với người lao động. Trong điều kiện cho phép Công ty áp dụng chế độ chính sách có lợi cho người lao động được pháp luật khuyến khích. Người lao động được bảo đảm mọi quyền lợi quy định trong Pháp luật Lao động, Luật BHXH, Luật BHTN của nước CHXHCN Việt Nam;

c) Thay đổi trong năm 2022:

Năm 2022 là năm có nhiều khó khăn như dịch bệnh covid-19 diễn biến phức tạp, chiến sự Nga -Ukraina... ảnh hưởng lớn đến kinh tế chính trị toàn cầu, ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động của các doanh nghiệp nói chung và cảng Đình Vũ nói riêng, Ban lãnh đạo Công ty đặt mục tiêu giữ vững việc làm và thu nhập người lao động là nhiệm vụ hàng đầu. Nhờ vậy, mặc dù gặp nhiều khó khăn thu nhập của người lao động giữ được ổn định so với năm 2021. Ngoài ra, Công ty tuân thủ chính sách đối với người lao động mà Pháp luật không quy định bắt buộc thực hiện nhưng được khuyến khích như việc thanh toán tiền phép khi không nghỉ phép, hỗ trợ cho CBCNV bằng hình thức khác khi không tổ chức tham quan du lịch do tình hình thiên tai đã đưa vào Nội quy lao động, Thỏa ước lao động tập thể, hỗ trợ tối đa cho người lao động trong thời kỳ dịch bệnh: như tổ chức tiêm vacxin sớm và đầy đủ, tổ chức khám sức khỏe hậu covid...

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1 Các khoản đầu tư lớn:

Đầu tư 02 cần trục chân đế sức nâng 45 tấn, tầm với lớn nhất 37,5 mét:

Nguồn vốn: Vốn tự có.

Tổng mức đầu tư: 219.238.000.000 VNĐ.

Giải ngân đến hết năm 2022: 27.173.350.000 VNĐ.

Giải ngân năm 2023: 192.064.650.000 VNĐ

3.2. Các công ty con, công ty liên kết:

a) Công ty liên kết: Công ty TNHH tiếp vận SITC-DinhVu

- Bắt đầu hoạt động từ Quý I/2011

- Kết quả sản xuất kinh doanh 2022:

Doanh thu: 499.793.594.138 đồng tăng 26,61% so với năm 2021;

Lợi nhuận trước thuế: 134.878.195.970 đồng tăng 56,72% so với năm 2021;

- Tình hình tài chính:

Tổng tài sản tính đến 31/12/2022: 442.628.309.594 đồng tăng 12,86% so với năm 2021;

Tổng nợ phải trả tính đến 31/12/2022: 43.952.638.332 đồng tăng 14,98% so với năm 2021;

Nguồn vốn chủ sở hữu tính đến 31/12/2022: 398.675.671.262 đồng tăng 12,63% so với năm 2021.

b) Công ty cổ phần: Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ

Bắt đầu hoạt động từ quý I/2012, hiện tại đang thực hiện các thủ tục giải thể Công ty.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.499.394.833.162	1.497.818.985.518	-0,11%
Doanh thu thuần	608.576.114.303	584.923.614.755	-3,89%
Lợi nhuận từ HĐKD	340.876.173.140	345.839.612.476	+1,46%
Lợi nhuận khác	(1.576.349.797)	(784.093.806)	-49,74%
Lợi nhuận trước thuế	339.299.823.343	345.055.518.670	+1,70%
Lợi nhuận sau thuế	277.126.799.699	283.380.354.744	+2,26%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
1- Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn			

mb

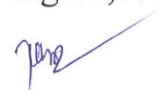
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	9,25	10,59	
+ Hệ số thanh toán nhanh			
Tài sản ngắn hạn-Hàng tồn kho	1.160.536.195.536	1.208.051.028.353	
Nợ ngắn hạn	126.441.417.839	114.985.215.452	
2- Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,08	0,08	
+ Hệ số nợ/Vốn chỉ sở hữu	0,09	0,08	
3- Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	30,69	28,95	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,41	0,39	
4- Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số LNST/Doanh thu thuần	0,46	0,48	
+ Hệ số LNST/Vốn CSH	0,20	0,20	
+ Hệ số LNST/Tổng tài sản	0,18	0,19	
+ Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/DTT	0,56	0,59	

NG * PCT * M.S

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần: 40.000.000 cổ phần (cổ phần phổ thông), cụ thể:

166

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng: 20.400.000 cổ phần tương ứng 51%;
Công ty Cổ phần vật tư nông sản: 7.480.000 cổ phần tương ứng 18,7%;
Các cổ đông khác: 12.120.000 cổ phần tương ứng 30,3%. 

b) Cơ cấu cổ đông:

Tổng số cổ đông theo danh sách chốt cổ đông đến ngày 15/12/2022: 1.407 cổ đông, trong đó: 

- Cổ đông trong nước: 1.292 cổ đông tương đương 35.145.659 cổ phần ứng với 87,86% 

- Cổ đông nước ngoài: 115 cổ đông tương đương 4.854.341 cổ phần ứng với 12,13% 

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Năm	Vốn điều lệ (đồng)	Ghi chú
2003	55.877.500.000	
2004	101.064.600.000	
2005	103.554.650.000	
2006	155.599.533.625	
2007	193.515.483.625	
2008	200.000.000.000	
2009 đến 2012	200.000.000.000	
2013	400.000.000.000	Cổ phiếu thưởng
2014 đến 2021	400.000.000.000	

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có.

e. Các chứng khoán khác: không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

6.1 Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:

Tăng cường bảo dưỡng sửa chữa các phương tiện, phân công sản xuất hợp lý để giảm lượng tiêu thụ dầu diesel;

Thay thế các đèn chiếu sáng bằng đèn LED để giảm lượng tiêu thụ điện năng;

Tuyên truyền toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty nâng cao ý thức tiết kiệm sử dụng điện năng hợp lý trong việc sử dụng các thiết bị điện văn phòng, hệ thống chiếu sáng, điều hòa...

6.2 Tiêu thụ năng lượng:

Hoạt động của Công ty là khai thác Cảng biển nên năng lượng tiêu thụ chủ yếu của Công ty chủ yếu là phục vụ các thiết bị nâng hạ và vận chuyển container trong đó bao gồm 02 loại năng lượng chính là năng lượng điện và dầu DO.

Điện năng tiêu thụ:

Năm 2022 Cảng Đình Vũ tiêu thụ 4.035.055 KWh, điện năng tiêu thụ chủ yếu là phục vụ các thiết bị nâng hạ container ngoài cầu tàu và trong bãi, phần còn lại cấp điện cho hệ thống điện văn phòng, chiếu sáng bãi... hoạt động;

Cảng Đình Vũ nằm trong danh sách các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm vì vậy Công ty luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường, ban hành các biện pháp nhằm sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả cụ thể:

Đầu tư, nâng cấp thiết bị áp dụng các công nghệ mới (hãm tái sinh, lắp đặt biến tần....) tăng năng suất xếp dỡ hàng hóa giảm tiêu hao, tiết kiệm 10% ÷ 15% điện năng tiêu thụ trong quá trình hoạt động;

Lắp đặt timer, cảm biến cho hệ thống chiếu sáng bãi, điều chỉnh thời gian bật tắt các giàn đèn hợp lý theo mùa đảm bảo sử dụng ánh sáng hợp lý;

Để bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng Công ty đã tiến hành thay thế và lắp mới toàn bộ các bóng đèn phục vụ chiếu sáng văn phòng, nhà xưởng bằng hệ thống đèn sử dụng công nghệ Led giúp tiết kiệm điện năng đến 50%;

Tuyên truyền toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty nâng cao ý thức tiết kiệm sử dụng điện năng hợp lý trong việc sử dụng các thiết bị điện văn phòng, hệ thống chiếu sáng, điều hòa...

6.3 Tiêu thụ nhiên liệu dầu DO:

Dầu DO tiêu thụ chủ yếu cho các thiết bị nâng hạ và vận chuyển trong bãi hoạt động, năm 2022 Công ty tiêu thụ 6612.990 lit dầu DO. Để giảm thiểu tiêu thụ dầu DO giúp thân thiện với môi trường Công ty cũng đã áp dụng một số biện pháp cụ thể:

Tăng cường công tác bảo dưỡng sửa chữa các phương tiện;

+ Đầu tư các thiết bị nâng hạ sử dụng năng lượng điện thay thế các thiết bị sử dụng dầu DO giảm khí thải, thân thiện với môi trường;

+ Ban hành các định mức sử dụng nhiên liệu áp dụng vào hoạt động sản xuất của Công ty.

6.4 Tiêu thụ nước:



Nguồn cấp nước: Sử dụng nguồn nước sạch của thành phố - Công ty CP cấp nước Hải Phòng:

- Lượng nước tiêu thụ năm 2022: 9.105 m³;
- Lượng nước tái chế và sử dụng: Do lượng nước Công ty tiêu thụ chủ yếu phục vụ sinh hoạt không tái chế, Công ty đã lắp đặt hệ thống thu gom xử lý nước thải trước khi đổ ra môi trường.

6.5 Tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường:

Cảng Đình Vũ tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường theo Luật bảo vệ môi trường và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành; đánh giá tác động môi trường, quản lý chất thải, phế liệu bảo vệ môi trường với chất thải rắn, lỏng...

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng người lao động tính đến 31/12/2022: 429 người. Mức lương bình quân: 24.370.000 đ/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động, bao gồm:

Tham gia đầy đủ bảo hiểm y tế cho người lao động;

Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, trong đó nhóm lao động nặng nhọc nguy hiểm 2 lần/ năm;

Chủ động tổ chức tiêm vắc-xin COVID-19 sớm và đầy đủ cho người lao động. Cung cấp các vật tư phòng dịch, tổ chức xét nghiệm sàng lọc giảm thiểu nguy cơ lây nhiễm. Thanh toán lương cho các trường hợp nghỉ cách ly do dịch bệnh;

Trích quỹ phúc lợi tổ chức các hoạt động, phong trào văn nghệ, TDTT, hỗ trợ các trường hợp CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, tổ chức tham quan du lịch cho CBCNV sau khi dịch covid-19 khống chế.

c) Hoạt động đào tạo:

Năm 2022 Công ty đã tổ chức 17 khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ cho 601 lượt CBCNV tham dự. Tổng số giờ đào tạo là 1.280 giờ;

Hàng năm Công ty tổ chức 2 đợt đào tạo nâng bậc nghề cho CBCNV để đảm bảo nâng cao tay nghề hỗ trợ người lao động phát triển nghề nghiệp và thu nhập, năm 2022 Công ty tổ chức đào tạo cho 45 công nhân viên, đào tạo nghề bổ sung để làm tốt công việc cho 48 CBCNV.

6.7 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Công ty thường xuyên tham gia các hoạt động từ thiện do địa phương trên địa bàn và Thành phố Hải Phòng phát động, cụ thể:

Ủng hộ Hội bảo trợ Người tàn tật và trẻ mồ côi TP. Hải Phòng: 40.000.000 đồng;

Ủng hộ Hội từ thiện TP. Hải Phòng: 10.000.000 đồng;

Quà Tết cho Người già neo đơn Phường Đông Hải 2: 10.000.000 đồng;

Ủng hộ Quỹ bảo trợ trẻ em TP. Hải Phòng: 15.000.000 đồng;

Ủng hộ Quỹ xóa đói giảm nghèo Quận Hải An, TP. Hải Phòng: 15.000.000 đồng;

Ủng hộ UBND Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng để tặng quà gia đình chính sách, người có công: 10.000.000 đồng;

Ủng hộ Trường Đại học Hàng Hải để trao học bổng cho sinh viên: 50.000.000 đồng.

Ngoài ra Công ty ủng hộ Hội doanh nghiệp trẻ Việt Nam: 200.000.000 đồng.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đại dịch Covid-19 bùng phát từ cuối năm 2019 kéo dài đến đầu năm 2022 ảnh hưởng đến nhiều nước trên thế giới trong đó có Việt Nam. Chiến tranh giữa Nga và Ukraine (từ tháng 2 năm 2022), cấm vận kinh tế giữa các nước lớn dẫn đến đứt gãy chuỗi sản xuất, cung ứng hàng hóa trên toàn cầu, giá cả hàng hóa leo thang, lạm phát, phá sản Sản lượng hàng hóa thông qua khu vực Hải Phòng bắt đầu sụt giảm từ Quý III/2022;

Hoạt động trong lĩnh vực cảng biển, dịch vụ kho bãi, mặc dù chịu nhiều ảnh hưởng của tình hình thị trường, cạnh tranh, diễn biến phức tạp, gặp nhiều khó khăn vướng mắc trong SXKD, đặc biệt là sự cố hàng hải ngày 10/8/2022 cản trở STS01 của Cảng bị tàu đâm va hỏng thiết bị. Bằng nhiều biện pháp thực hiện đồng bộ Công ty đã hoàn thành chỉ tiêu quan trọng nhất là chỉ tiêu lợi nhuận. Giữ vững sự ổn định về việc làm, thu nhập của người lao động, điều này thể hiện sự quyết tâm cao của Ban điều hành và toàn thể CBNV Công ty;

a) Kết quả sản xuất kinh doanh thực hiện năm 2022 của Công ty như sau:

Các chỉ tiêu	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	So sánh thực hiện năm 2022 (%)	
			Năm 2021	TH/KH 2022
Sản lượng Container (teu)	641.500	556.304	92,55	86,72
Qui đổi tấn thông qua		8.344.560	92,55	86,72

Tổng D.Thu (tỷ đồng):	725	684,635	98,97	94,43
LN trước thuế (tỷ đồng)	345	345,055	101,70	100,02

Chỉ tiêu sản lượng hàng hóa thông qua Cảng, doanh thu thực hiện không đạt được so kế hoạch năm 2022 nguyên nhân chính do: sự cố hàng hải ngày 10/8/2022 cần trục STS01 tại cầu tàu số 2 Cảng Đình Vũ bị tàu Tiger Maanshan đâm va gây hư hỏng thiết bị, dẫn đến thiệt hại về thiết bị, toàn bộ cầu tàu số 2 không thể tiếp nhận và khai thác tàu cho đến đầu tháng 12/2022;

Với sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, Ban điều hành Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp do đó chỉ tiêu SXKD quan trọng nhất do Đại hội cổ đông giao cho là lợi nhuận trước thuế thực hiện đạt 100,02% so kế hoạch và vượt 1,07% so cùng kỳ 2021;

b) Những tiến bộ Công ty đạt được:

Về giải quyết sự cố hàng hải ngày 10/8/2022 cần trục STS01 tại cầu tàu số 2 Cảng Đình Vũ bị tàu Tiger Maanshan đâm va gây hư hỏng thiết bị: Đối với những vụ việc như trên, thời gian để giải quyết vụ việc giữa các bên thường kéo dài từ 1 đến 3 năm. Tuy nhiên Ban điều hành Công ty đã cùng các phòng tham mưu trong Công ty, văn phòng luật sư (Công ty thuê) đàm phán sau thời điểm xảy ra va chạm (10/08/2022) đến 31/12/2022 đã chốt được Biên bản đền bù với số tiền 5,5 triệu USD. Tháng 01/2023 Công ty đã thu đủ tiền đền bù từ Đại diện chủ tàu;

Trong năm 2022 Công ty vẫn đảm bảo được việc làm cho người lao động, tổng thu nhập của người lao động năm 2022 tương đương so với năm 2021;

Khai thác hàng hóa tại Bãi container Cảng Đình Vũ - Khu công nghiệp Minh Phương: sản lượng năm 2022 đạt 63.631 container, đóng góp vào tổng doanh thu 43,35 tỷ tăng 64% so với năm 2021;

Ngày 25/10/2022 tại trung tâm hội nghị Khách sạn Sheraton, TP. Hà Nội, Công ty cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) phối hợp cùng Báo VietNamNet - Bộ Thông tin và Truyền thông chính thức tổ chức Lễ công bố Top 500 Doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam - PROFIT500 năm 2022. Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ vinh dự có tên trong bảng xếp hạng và tham gia nhận danh hiệu tại sự kiện công bố;

Ngày 05/01/2023 Công ty cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) phối hợp cùng Báo VietNamNet – Bộ Thông tin và Truyền thông chính thức tổ chức Lễ công bố Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam & Top 10 Công ty uy tín các ngành nghề lĩnh vực. Năm 2022, Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ vinh dự lần thứ 3 liên tiếp được trao cup và Chứng nhận Top 5 Công ty khai thác cảng uy tín.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản:

Trong năm tài chính tình hình tài sản của Công ty giảm 0,11% so với năm 2021, trong đó tình hình tài sản ngắn hạn của Công ty tăng 47 tỷ. Tình hình tài sản dài hạn của Công ty giảm do trong năm Công ty khấu hao TSCĐ so với số đầu kỳ giảm 48,13 tỷ.

b) Tình hình nợ phải trả:

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2022 cơ cấu tổ chức Công ty không có thay đổi;

Công ty thuê Công ty kiểm toán chuyên nghiệp thực hiện việc kiểm toán nội bộ nhằm phát hiện và ngăn ngừa rủi ro trong hoạt động của Công ty. Kết quả không có kiến nghị trọng yếu cần khắc phục ngay.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Tiếp tục phát triển Công ty thành một Cảng container chuyên nghiệp và hiện đại trong khu vực;

Đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động;

Mở rộng một số lĩnh vực kinh doanh phù hợp với năng lực và lợi thế của Công ty nhằm tăng doanh thu, tối đa hóa lợi nhuận;

Mở rộng thị trường, có chiến lược chăm sóc, gắn kết với khách hàng;

Chú trọng công tác đào tạo và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm kế thừa và nắm bắt, tiếp nhận chuyển giao các thiết bị công nghệ hiện đại;

Tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng, công nghệ thông tin, trang thiết bị hiện đại cho hoạt động kinh doanh khai thác cảng, tăng năng suất xếp dỡ và chất lượng phục vụ khách hàng;

Tích cực tìm kiếm các cơ hội mở rộng lĩnh vực kinh doanh. Hợp tác với các hãng tàu và đối tác phối hợp nghiên cứu các dự án phát triển dịch vụ khác;

Chuẩn bị nguồn lực cho việc nghiên cứu mở rộng phương án kinh doanh/ hợp tác với các đối tác/ hãng tàu đầu tư tại khu vực cảng nước sâu Lạch Huyện.

Kế hoạch năm 2023

Căn cứ tình hình thị trường, trên cơ sở năng lực hiện có Công ty xây dựng kế hoạch năm 2023 với các chỉ tiêu chủ yếu dự kiến như sau:

- Sản lượng : 610.000 teus;
- Doanh thu : 702,52 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế : 346,72 tỷ đồng;
- Cổ tức dự kiến : từ 25% trở lên.

Các giải pháp chủ yếu nhằm đảm bảo thực hiện kế hoạch như sau:

a) Về kinh doanh:

Tổ chức hợp tác với các hãng tàu/ khách hàng tăng cường công tác tiếp thị để phát triển các tuyến dịch vụ và phát triển nguồn hàng để nâng cao sản lượng thông qua cảng;

Tập trung hỗ trợ cho các hãng tàu đang sử dụng dịch vụ Cảng nhằm giúp họ duy trì và phát triển tuyến dịch vụ;

Tăng cường công tác thị trường và chăm sóc khách hàng, kết hợp không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ để đảm bảo duy trì ổn định hoạt động SXKD của Công ty.

b) Về quản lý:

Tiếp tục ổn định công tác nhân sự trong Công ty, tiếp tục tuyển dụng nhân lực có trình độ cao để có thể đáp ứng được yêu cầu hoạt động và nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh.

c) Về đầu tư:

Đẩy nhanh tiến độ đầu tư các hạng mục theo kế hoạch, kịp thời đưa vào khai thác nâng cao năng lực xếp dỡ;

Chú trọng đầu tư, hoàn thiện dây chuyền xếp dỡ container, nâng cao năng lực xếp dỡ.

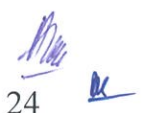
d) Về dịch vụ hậu cần cảng và logistics:

Tiếp tục nghiên cứu thực hiện dự án đầu tư kho bãi, depot khu vực ngoài cảng khi có cơ hội.

5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Kiểm toán không đưa ra yêu cầu nào phải giải trình.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a) Về nước thải sinh hoạt và công nghiệp:


24

Các nguồn nước xả thải được xử lý theo đúng quy định trước khi xả ra sông và đã được UBND Tp Hải Phòng cấp phép tại văn bản số 192/GP-UBND ngày 18/01/2021 và Công ty sẽ tiến hành định kỳ quan trắc nguồn nước thải với tần suất 3 tháng/lần.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Trong nhiều năm qua Công ty luôn đặt mục tiêu hàng đầu là chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động theo hướng ngày càng được cải thiện, làm cho người lao động luôn tin tưởng, gắn bó và tận tâm vì sự phát triển của Công ty. Trên thực tế, năm 2022 mặc dù gặp nhiều khó khăn do tình hình kinh tế - chính trị và dịch bệnh trên toàn thế giới diễn biến phức tạp, Công ty vẫn đảm bảo được việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, thực hiện tốt nghĩa vụ ngân sách với nhà nước và thành phố, qua đó tạo ra sự ổn định đời sống của gia đình CBCNV của Công ty nói riêng và góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội của thành phố Hải Phòng nói chung.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường;

Huấn luyện diễn tập phòng cháy chữa cháy. Trang bị các thiết bị phòng cháy chữa cháy, phòng chống bão lụt;

Diễn tập ứng phó sự cố tràn dầu;

Xây dựng hệ thống chống sét, chống rò điện;

Lắp đặt các quạt thông gió, hệ thống hút bụi, hút hơi khí độc, nâng cấp làm cho nhà xưởng thông thoáng, chống nóng, ồn và các yếu tố độc hại lan truyền;

Thực hiện quan trắc môi trường;

Trồng và chăm sóc hệ thống cây xanh toàn Công ty;

Thực hiện các biện pháp phòng chống dịch Covid-19;

Phòng chống dịch bệnh (phun thuốc diệt muỗi, muỗi, côn trùng);

Thông hút bể phốt thường xuyên;

Thuê đơn vị chuyên môn thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn và rác thải;

Thực hiện vệ sinh hàng ngày khu vực bãi Cảng và khu làm việc văn phòng;

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Với sự chỉ đạo và định hướng tốt của Hội đồng quản trị; sự năng động, nhạy bén và tận dụng thời cơ, cơ hội của Ban điều hành; tinh thần lao động khẩn trương của

đội ngũ cán bộ công nhân viên Công ty, năm 2022 Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông giao về chỉ tiêu lợi nhuận;

Hội đồng quản trị luôn bám sát Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Quy chế quản trị nội bộ và các quy định khác của pháp luật có liên quan để điều hành, chỉ đạo Ban điều hành trong các hoạt động tổ chức sản xuất kinh doanh, đầu tư và mở rộng sản xuất;

Tăng cường sự quản lý của ban điều hành với các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; kiểm soát chặt chẽ các nguồn thu chi, có biện pháp tiết kiệm, giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; đầu tư theo hướng hiện đại các thiết bị, tính chuyên môn hóa cao, tạo sự phát triển ổn định lâu dài làm tiền đề để phát triển các dịch vụ sau cảng nhằm tăng cường năng lực khai thác cảng và nâng cao chất lượng dịch vụ;

Trong năm, Hội đồng quản trị đã thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên, Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị Công ty cũng đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định; phê duyệt các Nghị quyết, quyết định các phương án đầu tư, quyết toán các dự án đầu tư và các vấn đề thuộc thẩm quyền theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp;

Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt vai trò giám sát và chỉ đạo Ban Tổng giám đốc, phối hợp giúp Ban Tổng giám đốc chỉ đạo điều hành tốt công tác sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao trong bối cảnh nền kinh tế thế giới và trong nước vẫn còn gặp nhiều khó khăn và thử thách.

Công ty thực hiện chi trả cổ tức năm 2021 là 40% đảm bảo lợi ích cho cổ đông và tuân thủ các quy định về pháp luật chứng khoán;

Chủ tịch Hội đồng quản trị là thành viên chuyên trách, do đó thường xuyên đôn đốc, chỉ đạo Tổng giám đốc thực hiện các dự án đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị phê duyệt. Phối hợp cùng với Ban điều hành tăng cường công tác tiếp thị, chăm sóc khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ. Ngoài việc giữ được các khách hàng lớn, khách hàng truyền thống, Công ty còn tiếp thị thêm được một số khách hàng mới sử dụng dịch vụ của Cảng Đình Vũ;

Chỉ đạo Tổng giám đốc kiểm tra, rà soát lại toàn bộ quy chế, quy định của Công ty để bổ sung, sửa đổi để phù hợp với quy định của pháp luật, điều lệ và tình hình sản xuất thực tế của Công ty;

Chỉ đạo Ban điều hành tăng cường công tác kiểm tra hiện trường, đặc biệt quan tâm đến an toàn lao động, an ninh trật tự bên Cảng;

Thường xuyên đôn đốc ban điều hành quan tâm đến môi trường làm việc của người lao động, giữ gìn vệ sinh bên cảng xanh – sạch – đẹp. Tuân thủ các biện pháp bảo vệ môi trường theo luật định, duy trì và thực hiện có hiệu quả hệ thống quản lý môi trường theo ISO14001:2015;

Chỉ đạo và yêu cầu Tổng giám đốc Công ty thực hiện các quy định theo pháp luật chứng khoán đối với Công ty niêm yết;

Năm 2022, Hội đồng quản trị đã thường xuyên tổ chức họp định kỳ, họp đột xuất, tổng kết từng quý để thực hiện đúng chức năng, chỉ đạo kịp thời cho công tác đầu tư, sản xuất kinh doanh. Cùng với kiểm tra thực tế, Hội đồng quản trị đã bám sát tình hình sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư để có những biện pháp điều chỉnh, chỉ đạo kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, đảm bảo thực hiện chặt chẽ các bước thủ tục đầu tư đồng thời tăng cường công tác quản lý mọi mặt các hoạt động của Công ty.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty

Hội đồng quản trị đánh giá cao sự cố gắng, nỗ lực và nhạy bén của Ban Tổng giám đốc. Trong bối cảnh thị trường hàng hóa có sự cạnh tranh khốc liệt nhưng Ban Tổng giám đốc đã có những chiến lược và chính sách kịp thời để giữ được khách hàng truyền thống, ổn định sản xuất;

Năm 2022 các doanh nghiệp vận tải biển vẫn còn gặp nhiều khó khăn, luồng vào cảng và trục giao thông bộ còn nhiều hạn chế, đặc biệt dịch Covid – 19 bùng phát trở lại... nhưng Ban Tổng giám đốc đã bám sát thị trường, chú trọng công tác chăm sóc khách hàng và nâng cao chất lượng dịch vụ, điều hành Công ty hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 về chỉ tiêu lợi nhuận;

Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty; Quy chế quản trị Công ty và các văn bản pháp luật liên quan. Thực hiện tốt các chức năng trong quản trị, điều hành công ty;

Công tác quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh đã bám sát Nghị quyết đại hội cổ đông 2022, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, các quy chế quản lý tài chính, tiền lương và các quy chế nội bộ khác của Công ty;

Thực hiện công tác đầu tư xây dựng cơ bản kịp thời, đúng tiến độ và kế hoạch đề ra, thực hiện quy trình đầu tư đúng thẩm quyền, đúng quy định, đúng luật... đảm bảo thiết bị đầu tư hiện đại, mang tính chuyên môn hóa cao về công nghệ, hiệu quả khai thác, tiết kiệm tối đa nguồn vốn đầu tư đã được phê duyệt;

Tổng giám đốc là thành viên Hội đồng quản trị nên tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị; do đó, công tác thu thập, tiếp nhận thông tin từ Hội đồng quản trị được kịp thời và giải quyết nhanh chóng;

Công tác báo cáo định kỳ của Ban Tổng giám đốc đã giúp Hội đồng quản trị xử lý và chỉ đạo kịp thời trong công tác chỉ đạo và hoạch định chiến lược sản xuất kinh doanh;

Yêu cầu Tổng Giám đốc thực hiện xin ý kiến bằng văn bản với các công tác đầu tư, tài chính, cơ cấu tổ chức và bổ nhiệm cán bộ trong thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị;

Các dự án đã được đầu tư trong năm 2022 phù hợp với kế hoạch và tuân thủ các quy định về đấu thầu, đầu tư mua sắm thiết bị của Công ty và pháp luật hiện hành, không để xảy ra tình trạng lãng phí và thất thoát vốn đầu tư;

Công ty tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ, tạo mối quan hệ tốt và bền vững với khách hàng truyền thống, tích cực tìm kiếm khách hàng mới nhằm đảm bảo duy trì hiệu suất hoạt động cho các phương tiện xếp dỡ;

Công ty quan tâm đến chất lượng lao động, làm tốt công tác đào tạo, thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao, đáp ứng được yêu cầu công việc và sử dụng được các thiết bị tiên tiến, hiện đại;

Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã phản ánh đầy đủ, hợp lý tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đúng theo các chuẩn mực kế toán do Bộ tài chính ban hành;

Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã được thể hiện kiểm toán theo đúng quy định. Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC được lựa chọn thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty theo đúng nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2021;

Trong công tác quản trị tài chính, Công ty đã tuân thủ các quy định về quản lý vốn và quy chế quản lý tài chính;

Bên cạnh công tác sản xuất kinh doanh, công ty thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, tham gia tài trợ và hỗ trợ cho các chương trình từ thiện... Tổ chức cho đội ngũ cán bộ công nhân viên Công ty đi thăm quan, du lịch, nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động nhằm động viên và tăng sự gắn kết, cống hiến của người lao động với Công ty;

Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo đúng Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022, chi tiết như sau:

- Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (bao gồm cả phụ trách quản trị Công ty không chuyên trách) năm 2022 đã được Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 thông qua: 1.922.000.000 đồng;

- Tổng mức thù lao thực hiện năm 2022: 1.922.000.000 đồng.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Tăng cường quản trị doanh nghiệp theo những thông lệ tiên tiến nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh;

Giữ vững và phấn đấu tăng trưởng ổn định các chỉ tiêu kinh tế (sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, cổ tức);

Bảo toàn và phát triển vốn, thu hút được vốn đầu tư của các nhà đầu tư chiến lược, ưu tiên các đối tác là doanh nghiệp có lợi ích từ dịch vụ khai thác cảng;

Xây dựng kế hoạch và chiến lược kinh doanh phù hợp, nâng cao chất lượng dịch vụ, nâng cao năng lực cạnh tranh; có chính sách mềm dẻo trong quan hệ với khách hàng trên cơ sở hợp tác cùng có lợi và phát triển nhằm duy trì những khách hàng hiện có và tiếp cận những khách hàng mới;

Công ty định hướng tiếp tục thực hiện chủ trương xây dựng, đầu tư theo chiều sâu để trở thành một cảng hiện đại, có trình độ quản lý tiên tiến, đủ năng lực cạnh tranh trên thị trường, phát triển một cách bền vững, từng bước thay đổi công nghệ và ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến thân thiện với môi trường vào quản lý, sản xuất kinh doanh;

Đầu tư mở rộng sản xuất ra khu vực Lạch Huyện, Cát Hải;

Tập trung đầu tư, phát triển hệ thống CNTT theo hướng hiện đại hóa, đưa CNTT trở thành hoạt động xương sống trong hoạt động quản trị và khai thác cảng, tạo lợi thế cạnh tranh cho Công ty;

Đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động;

Chú trọng công tác nhân lực, tổ chức đào tạo và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, đồng thời có kế hoạch để trẻ hóa nguồn nhân lực.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

- Đến 31/12/2022: Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 thành viên, cơ cấu và danh sách như sau:

- Cơ cấu:

+ Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách: 01;

+ Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị: 01;

+ Thành viên Hội đồng quản trị độc lập: 01;

+ Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp điều hành: 02;

+ Thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành: 03;

+ Số lượng thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ thành viên Hội đồng quản trị tại các Công ty khác: 03 thành viên (Ông Nguyễn Tiến Dũng, Ông Chu Minh Hoàng và Ông Nguyễn Việt Hải).

- *Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:*

+ Chủ tịch Hội đồng quản trị: Ông Vũ Tuấn Dương;

Đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng với 20% vốn điều lệ tương đương 8.000.000 cổ phần có quyền biểu quyết.

+ Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Đại diện phần vốn góp của Công ty Cổ phần Vật tư Nông sản với 18,7% vốn điều lệ tương đương 7.480.000 cổ phần có quyền biểu quyết.

+ Thành viên Hội đồng quản trị: Ông Cao Văn Tĩnh

Đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng với 16% vốn điều lệ tương đương 6.400.000 cổ phần có quyền biểu quyết;

Số cổ phần sở hữu cá nhân 3.600 cổ phần có quyền biểu quyết, tương đương 0,009% vốn điều lệ;

Tổng số cổ phần sở hữu và đại diện: 6.403.600 cổ phần có quyền biểu quyết tương đương 16,009% vốn điều lệ.

+ Thành viên Hội đồng quản trị: Ông Chu Minh Hoàng

Đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng với 10% vốn điều lệ tương đương 4.000.000 cổ phần có quyền biểu quyết.

+ Thành viên Hội đồng quản trị: Ông Nguyễn Việt Hải

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

1.2 Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị hoạt động và thực thi nhiệm vụ theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty, các quy chế, quy định của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan;

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị họp định kỳ một lần/một quý, ngoài ra có những cuộc họp đột xuất hoặc xin ý kiến Hội đồng quản trị để chỉ đạo kịp thời công tác tổ chức quản lý sản xuất, đầu tư xây dựng cơ bản và các vấn đề khác.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỉ lệ tham dự
1	Vũ Tuấn Dương	Chủ tịch HĐQT	6/6	100%
2	Nguyễn Tiến Dũng	Phó CT HĐQT	6/6	100%
3	Cao Văn Tĩnh	TV HĐQT	6/6	100%
4	Chu Minh Hoàng	TV HĐQT	6/6	100%
5	Nguyễn Việt Hải	TV HĐQT	6/6	100%

Các nghị quyết của HĐQT:

Stt	Số Nghị quyết	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT		05/01/2022	Về việc tạm ứng cổ tức năm 2021



2	04/NQ-HĐQT		04/3/2022	Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh Quý IV/2021; Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý I/2022.
3	05/NQ-HĐQT		10/3/2022	Về việc gia hạn tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
4	06/NQ-HĐQT		21/3/2022	Về việc thời gian và hình thức tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
5	07/NQ-HĐQT		28/4/2022	Thông qua dự thảo tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
8	08/NQ-HĐQT		09/5/2022	Thông qua kết quả SXKD Quý I/2022 và kế hoạch SXKD Quý II/2022
9	12/NQ-HĐQT		17/6/2022	Về việc ký kết hợp đồng năm 2022 giữa Công ty với Người có liên quan
10	13/NQ-HĐQT		23/6/2022	Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2022
11	15/NQ-HĐQT		01/7/2022	Về việc chủ trương thực hiện quy trình bổ nhiệm lại Tổng giám đốc Công ty
12	16/NQ-HĐQT		11/7/2022	Về việc bổ nhiệm lại Tổng giám đốc Công ty
13		05/QĐ-HĐQT	11/7/2022	Về việc bổ nhiệm lại Tổng giám đốc Công ty
14	17/NQ-HĐQT		28/7/2022	Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán nội bộ tại Công ty năm 2022



15	18/NQ-HĐQT		08/8/2022	Về việc KQSXKD Quý 2 và 6 tháng đầu năm 2022. Kế hoạch SXKD Quý 3 và 6 tháng cuối năm 2022
16	24/NQ-HĐQT		14/11/2022	Về việc kết quả SXKD Quý 3 và 9 tháng đầu năm 2022. Kế hoạch SXKD Quý 3/2022
17	25/NQ-HĐQT		14/11/2022	Về việc tạm ứng cổ tức năm 2022

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị; Thực hiện quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ của mình theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty và các văn bản pháp luật liên quan.

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Công ty giao thành viên Hội đồng quản trị độc lập phụ trách vấn đề lương thưởng và nhân sự.

2. Ban Kiểm soát

2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

- Thành viên Ban kiểm soát: 03 thành viên

2.2 Cơ cấu Ban kiểm soát:

- Trưởng Ban kiểm soát: 01;

- Thành viên Ban kiểm soát: 02.

2.3 Danh sách thành viên Ban kiểm soát

- Trưởng Ban kiểm soát: Bà Trần Thị Thanh Hải

Đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng với 5% vốn điều lệ tương đương 2.000.000 cổ phần có quyền biểu quyết.

- Thành viên Ban kiểm soát: Ông Cao Xuân Hợp

- Thành viên Ban kiểm soát: Ông Vũ Hoàng Lâm

Số cổ phần sở hữu cá nhân 7.600 cổ phần có quyền biểu quyết, tương đương 0,019% vốn điều lệ

2.4 Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát hoạt động và thực thi nhiệm vụ theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty, các quy chế, quy định của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan;

Trong năm 2022, Ban kiểm soát đã tiến hành họp 4 lần (01 lần/quý), đồng thời Trưởng ban kiểm soát được tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ của Hội đồng



quản trị Công ty. Do đó, việc nắm bắt thông tin, kiểm soát các hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các hoạt động khác của Công ty được kịp thời;

Trong năm 2022, Ban kiểm soát đã tiến hành thực hiện giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và các kế hoạch đề ra của Công ty.

3. Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

a) Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (đồng):

Họ và tên	Năm 2021	Năm 2022
Nguyễn Tiến Dũng - Phó Chủ tịch HĐQT	318.834.000	307.520.000
Chu Minh Hoàng - Ủy viên HĐQT	298.904.000	288.300.000
Cao Văn Tĩnh - Ủy viên HĐQT	298.904.000	288.300.000
Nguyễn Việt Hải - Ủy viên HĐQT	298.904.000	288.300.000
Trần Thị Thanh Hải - Trưởng BKS	298.904.000	288.300.000
Cao Xuân Hợp - Thành viên BKS	159.415.000	153.760.000
Vũ Hoàng Lâm - Thành viên BKS	159.415.000	153.760.000

b) Tiền lương của người quản lý, người điều hành (đồng):

Nội dung	Năm 2021	Năm 2022
Tiền lương người quản lý, người điều hành Công ty	3.297.459.547	3.599.085.795

c) Tiền lương của Tổng giám đốc (đồng):

Họ và tên	Năm 2021	Năm 2022
Cao Văn Tĩnh	1.515.451.085	1.727.259.720

d) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: không có.

e) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: không có.

f) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Tuân thủ Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ quản trị Công ty, pháp luật về chứng khoán và các quy định của pháp luật trong công tác quản trị Công ty;

Các thông tin liên quan đến lợi ích của cổ đông, các báo cáo định kỳ đều được công bố thông tin kịp thời đảm bảo tuân thủ quy định về pháp luật chứng khoán.

VI. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán và ý kiến của kiểm toán được đính kèm báo cáo thường niên này./.

Nơi nhận:

- Như k/g;
- HĐQT, BKS;
- Ban TGD, TCKT;
- Lưu: VT, TK HĐQT.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Cao Văn Tĩnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-34
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo quyết định số 990/QĐ/TGD ngày 11/11/2002 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam về quyết định phê duyệt phương án đầu tư khai thác Cảng Đình Vũ. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200511481 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 14/01/2003 và sửa đổi lần thứ 7 ngày 12/07/2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Cảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Tuấn Dương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Cao Văn Tĩnh	Ủy viên HĐQT
Ông Chu Minh Hoàng	Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Việt Hải	Ủy viên HĐQT

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Cao Văn Tĩnh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 11/07/2022
Ông Triệu Thế Thuận	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Trần Thị Thanh Hải	Trưởng ban
Ông Vũ Hoàng Lâm	Thành viên
Ông Cao Xuân Hợp	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Cao Văn Tĩnh
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 15 tháng 02 năm 2023

Số: 150223.007/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ được lập ngày 15 tháng 02 năm 2023, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biền

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Dương Quân Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1686-2023-002-1

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.217.425.344.732	1.170.116.888.706
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	37.477.068.220	32.809.393.887
111	1. Tiền		37.477.068.220	32.809.393.887
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	1.053.000.000.000	1.024.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.053.000.000.000	1.024.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		111.602.167.106	99.290.205.084
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	56.775.715.455	57.882.376.686
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	28.043.927.176	28.015.751.174
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	26.782.524.475	15.409.768.625
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	(2.017.691.401)
140	IV. Hàng tồn kho	9	9.374.316.379	9.580.693.170
141	1. Hàng tồn kho		9.374.316.379	9.580.693.170
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		5.971.793.027	4.436.596.565
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	3.366.109.895	2.246.408.465
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		415.495.032	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	2.190.188.100	2.190.188.100
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		280.393.640.786	329.277.944.456
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		158.986.000	194.986.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	158.986.000	194.986.000
220	II. Tài sản cố định		116.435.096.770	164.570.899.091
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	116.287.068.088	164.269.064.154
222	- Nguyên giá		1.241.238.824.144	1.240.249.803.785
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.124.951.756.056)	(1.075.980.739.631)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	148.028.682	301.834.937
228	- Nguyên giá		6.235.104.700	6.235.104.700
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.087.076.018)	(5.933.269.763)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	18.181.818	18.181.818
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		18.181.818	18.181.818
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	137.307.173.950	137.307.173.950
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		137.307.173.950	137.307.173.950
260	VI. Tài sản dài hạn khác		26.474.202.248	27.186.703.597
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	26.474.202.248	27.186.703.597
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.497.818.985.518	1.499.394.833.162

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		114.985.215.452	126.441.417.839
310	I. Nợ ngắn hạn		114.985.215.452	126.441.417.839
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	24.372.939.227	12.207.301.016
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		318.645.384	267.583.056
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	19.164.921.864	16.237.262.193
314	4. Phải trả người lao động		37.065.344.913	34.146.556.105
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	21.681.905	268.503.223
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	6.668.152.890	7.627.217.796
321	7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	18	14.160.188.100	42.450.000.000
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		13.213.341.169	13.236.994.450
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.382.833.770.066	1.372.953.415.323
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	1.382.833.770.066	1.372.953.415.323
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		400.000.000.000	400.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		400.000.000.000	400.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		137.307.173.950	137.307.173.950
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		491.965.770.565	448.338.970.866
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		353.560.825.551	387.307.270.507
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		110.180.470.808	110.180.470.808
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		243.380.354.743	277.126.799.699
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.497.818.985.518	1.499.394.833.162

Lê Thị Hải Thành
Người lập

Đoàn Minh Trung
Kế toán trưởng

Cao Văn Tĩnh
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 15 tháng 02 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	584.923.614.755	608.576.114.303
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		584.923.614.755	608.576.114.303
11	4. Giá vốn hàng bán	22	274.417.319.276	289.207.385.525
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		310.506.295.479	319.368.728.778
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	99.112.992.813	82.414.963.381
22	7. Chi phí tài chính	24	1.168.807.436	254.596.816
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	62.610.868.380	60.652.922.203
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		345.839.612.476	340.876.173.140
31	11. Thu nhập khác	26	217.212.432	786.713.981
32	12. Chi phí khác	27	1.001.306.238	2.363.063.778
40	13. Lợi nhuận khác		(784.093.806)	(1.576.349.797)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		345.055.518.670	339.299.823.343
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	61.675.163.926	62.173.023.644
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		283.380.354.744	277.126.799.699
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	7.085	6.928

Lê Thị Hải Thành
Người lập

Đoàn Minh Trung
Kế toán trưởng

Cao Văn Tĩnh
Tổng Giám đốc



Hải Phòng, ngày 15 tháng 02 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2022

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		598.964.850.284	625.575.266.534
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(167.779.534.802)	(147.522.012.765)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(125.020.084.168)	(121.215.839.008)
05	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(58.462.518.310)	(63.740.353.072)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.098.437.628	1.012.792.534
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(63.372.334.299)	(59.512.189.744)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		186.428.816.333	234.597.664.479
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.191.817.955)	(52.078.976.751)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.894.000.000.000)	(1.822.000.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		1.865.000.000.000	1.734.000.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		88.736.055.416	79.255.174.702
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		57.544.237.461	(60.823.802.049)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(239.584.568.250)	(159.112.287.750)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(239.584.568.250)	(159.112.287.750)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		4.388.485.544	14.661.574.680
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		32.809.393.887	18.265.421.860
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		279.188.789	(117.602.653)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	37.477.068.220	32.809.393.887

Lê Thị Hải Thành
Người lập

Đoàn Minh Trung
Kế toán trưởng

Cao Văn Tĩnh
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 15 tháng 02 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo quyết định số 990/QĐ/TGĐ ngày 11/11/2002 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam về quyết định phê duyệt phương án đầu tư khai thác Cảng Đình Vũ. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200511481 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 14/01/2003 và sửa đổi lần thứ 7 ngày 12/07/2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Cảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 400.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 400.000.000.000 đồng; tương đương 40.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 429 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 431 người).

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa; Kinh doanh kho bãi;
- Vận tải hàng hóa đa phương thức; Dịch vụ hàng hải;
- Dịch vụ kho vận, dịch vụ kho ngoại quan và dịch vụ hàng chuyển khẩu, quá cảnh.

Thông tin về các công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	07 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 20 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.10 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 03 năm.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm .

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh lãi sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.18 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm các khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.20 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨCảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.22 . Thông tin bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là xếp dỡ hàng hóa, kinh doanh kho bãi và chủ yếu là diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	354.593.484	344.171.464
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	37.122.474.736	32.465.222.423
	<u>37.477.068.220</u>	<u>32.809.393.887</u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Ngắn hạn**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	1.053.000.000.000	-	1.024.000.000.000	-
	<u>1.053.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>1.024.000.000.000</u>	<u>-</u>

(*) Tại ngày 31/12/2022, Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 09 tháng với tổng giá trị 1.053.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội và Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hải Phòng với lãi suất từ 5,0%/năm đến 8%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ
Cảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Dài hạn

	31/12/2022				01/01/2022			
	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ quyền biểu quyết		Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ quyền biểu quyết	
	VND	VND	VND	%	VND	VND	VND	%
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết								
- Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ (1)	123.627.173.950	-		49,0%	123.627.173.950	-		49,0%
- Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ (2)	13.680.000.000	-		45,6%	13.680.000.000	-		45,6%
	137.307.173.950	-			137.307.173.950	-		

(1) Theo Hợp đồng liên doanh giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ và Công ty TNHH Vận tải Đường Thủy Châu Á (SITC) ký tháng 7 năm 2010, hai bên đã thống nhất góp vốn thành lập Công ty Liên doanh đồng kiểm soát là Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ. Vốn điều lệ của Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ là 145.852.000.000 đồng, trong đó Công ty góp 74.384.520.000 đồng (tương đương 3.570.000 USD), chiếm 51% vốn điều lệ (tỷ lệ biểu quyết là 50%). Theo Nghị quyết số 11/SITC/NQ-HĐTV ngày 01/08/2013 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ về việc tăng vốn điều lệ để đầu tư mở rộng sản xuất với số vốn góp tăng thêm là 5.000.000 USD, trong đó Công ty góp 51% (tương đương 2.500.000 USD). Tổng số vốn góp của Công ty là 128.672.013.800 đồng (tương đương 6.120.000 USD), chiếm 51% vốn điều lệ và 50% tỷ lệ quyền biểu quyết. Tại ngày 04/09/2020, Công ty đã chuyển nhượng 2% vốn góp tại Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT ngày 01/03/2018 của Hội đồng quản trị. Sau các giao dịch trên, tại ngày 31/12/2022, Công ty đang sở hữu 49% vốn điều lệ của Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ, tương đương tổng mệnh giá 123.627.173.950 đồng. Hoạt động chính của Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ là kinh doanh kho bãi, lưu giữ hàng hóa, bốc xếp hàng hóa, vận tải hàng hóa.

(2) Theo biên bản góp vốn ngày 14 tháng 10 năm 2011 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ, Công ty Cổ phần Vạn Xuân, Công ty Cổ phần đầu tư Thương mại và Dịch vụ Đình Vũ và các cổ đông khác quyết định thành lập Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ với số vốn điều lệ là 30.000.000.000 đồng. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ góp 13.680.000.000 đồng (chiếm 45,6 % Vốn điều lệ). Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ đi vào hoạt động từ ngày 17 tháng 12 năm 2011 với hoạt động chính của Công ty là kinh doanh kho bãi, lưu giữ hàng hóa, bốc xếp hàng hóa, vận tải hàng hóa. Theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐQT ngày 01/10/2020, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua quyết định về việc giải thể Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ. Hiện tại, Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ đang trong quá trình thực hiện các thủ tục giải thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

 Cảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An,
 Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan				
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	7.128.000	-	1.822.293.360	-
- Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ	39.074.400	-	77.245.080	-
	<u>46.202.400</u>	<u>-</u>	<u>1.899.538.440</u>	<u>-</u>
Bên khác				
- Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu Khí Đình Vũ	397.305.029	-	325.737.053	-
- SITC CONTAINER LINES CO., LTD	46.418.157.382	-	43.920.500.425	-
- Công ty TNHH KMTTC (Việt Nam)	1.441.708.349	-	679.437.105	-
- Phải thu khách hàng khác	8.472.342.295	-	11.057.163.663	(2.017.691.401)
	<u>56.729.513.055</u>	<u>-</u>	<u>55.982.838.246</u>	<u>(2.017.691.401)</u>
	<u>56.775.715.455</u>	<u>-</u>	<u>57.882.376.686</u>	<u>(2.017.691.401)</u>

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
- KOCKS ARDELT KRANBAU GMBH (*)	27.153.351.174	-	27.153.351.174	-
- Trả trước cho người bán khác	890.576.002	-	862.400.000	-
	<u>28.043.927.176</u>	<u>-</u>	<u>28.015.751.174</u>	<u>-</u>

(*) Đây là khoản ứng trước 15% theo Hợp số 01/DVP/KAK/2021 ngày 06/08/2021 với Kocks Ardel (Đức) mua cần trục để kiểu quay, sức nâng 45 tấn, số lượng 02 chiếc. Hiện tại hợp đồng vẫn đang trong giai đoạn triển khai thực hiện, dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng trong quý I/2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a.1) Chi tiết theo nội dung				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	20.244.013.698	-	14.874.579.453	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	118.457.225	-	146.449.153	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	58.124	-	992.019	-
Tạm ứng	3.672.640	-	10.948.323	-
Phải thu người lao động	552.386.566	-	376.799.677	-
Phụ thu về bồi thường vật chất do va chạm tàu (*)	3.730.072.222	-	-	-
Phải thu về cho mượn vật tư	2.133.864.000	-	-	-
	<u>26.782.524.475</u>	<u>-</u>	<u>15.409.768.625</u>	<u>-</u>
a.2) Chi tiết theo đối tượng				
Bên liên quan				
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	2.133.864.000	-	-	-
	<u>2.133.864.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Bên khác				
Phải thu các đối tượng khác	24.648.660.475	-	15.409.768.625	-
	<u>24.648.660.475</u>	<u>-</u>	<u>15.409.768.625</u>	<u>-</u>
	<u>26.782.524.475</u>	<u>-</u>	<u>15.409.768.625</u>	<u>-</u>
b) Dài hạn				
Chi tiết theo nội dung				
Phải thu người lao động	158.986.000	-	194.986.000	-
	<u>158.986.000</u>	<u>-</u>	<u>194.986.000</u>	<u>-</u>

(*) Phải thu về bồi thường thiệt hại vật chất do tàu Tiger Maanshan va chạm vào cần trục STS01 của Cảng Đình Vũ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨCảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

8 . NỢ XẤU

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Transimex tại Hà Nội	-	-	198.555.538	138.988.877
- Hanjin Shipping Co., Ltd	-	-	1.749.947.540	-
- Cục Hải Quan Thành Phố Hải Phòng	-	-	693.924.000	485.746.800
	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>2.642.427.078</u>	<u>624.735.677</u>

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	859.024.770	-	819.257.255	-
Công cụ, dụng cụ	8.515.291.609	-	8.761.435.915	-
	<u>9.374.316.379</u>	<u>-</u>	<u>9.580.693.170</u>	<u>-</u>

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Tư vấn kiểm định cầu tàu số 1 lắp đặt cần trục chân đế	18.181.818	18.181.818
	<u>18.181.818</u>	<u>18.181.818</u>

11 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	471.475.677.948	625.059.678.415	125.591.167.427	18.123.279.995	1.240.249.803.785
- Mua trong kỳ	-	-	-	1.000.886.000	1.000.886.000
- Giảm khác	(11.865.641)	-	-	-	(11.865.641)
Số dư cuối kỳ	471.463.812.307	625.059.678.415	125.591.167.427	19.124.165.995	1.241.238.824.144
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	391.092.974.319	550.735.501.697	116.255.687.373	17.896.576.242	1.075.980.739.631
- Khấu hao trong kỳ	18.539.708.511	26.080.332.492	4.116.796.028	234.179.394	48.971.016.425
Số dư cuối kỳ	409.632.682.830	576.815.834.189	120.372.483.401	18.130.755.636	1.124.951.756.056
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	80.382.703.629	74.324.176.718	9.335.480.054	226.703.753	164.269.064.154
Tại ngày cuối kỳ	61.831.129.477	48.243.844.226	5.218.684.026	993.410.359	116.287.068.088

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 897.399.229.299 đồng.

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán và phần mềm khai thác với nguyên giá là 6.235.104.700 đồng và giá trị hao mòn lũy kế đến thời điểm 31/12/2022 là 6.087.076.018 đồng, giá trị khấu hao trong năm là 153.806.255 đồng.

Trong đó: Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.497.754.000 đồng.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí mua bảo hiểm	481.981.027	800.857.166
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	2.801.663.868	1.341.687.799
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	82.465.000	103.863.500
	<u><u>3.366.109.895</u></u>	<u><u>2.246.408.465</u></u>
b) Dài hạn		
Chi phí thuê đất Khu Công nghiệp Minh Phương (*)	26.354.967.913	27.118.880.029
Chi phí trả trước dài hạn khác	119.234.335	67.823.568
	<u><u>26.474.202.248</u></u>	<u><u>27.186.703.597</u></u>

(*) Theo hợp đồng thuê đất số 27/2015/HĐTĐ - MP ký ngày 12 tháng 06 năm 2015 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Minh Phương và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ, Công ty được thuê 44.417 m² tại Khu Công nghiệp Minh Phương với thời hạn thuê là 43 năm tính từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30 tháng 06 năm 2057. Công ty đã trả hết tiền thuê cho toàn bộ thời gian thuê và phân bổ dần vào chi phí theo thời hạn thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨCảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>				
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	7.389.906.344	7.389.906.344	767.036.833	767.036.833
	<u>7.389.906.344</u>	<u>7.389.906.344</u>	<u>767.036.833</u>	<u>767.036.833</u>
<i>Bên khác</i>				
- Công ty Cổ phần Vạn Xuân	1.198.384.740	1.198.384.740	1.033.287.200	1.033.287.200
- Công ty Cổ phần Thương Mại Duy Linh	5.511.162.705	5.511.162.705	2.819.000.000	2.819.000.000
- Công ty Cổ phần xây dựng 203	-	-	1.504.720.200	1.504.720.200
- Công ty Cổ phần Kinh Doanh Đầu Tư và Phát Triển Hà Linh	2.073.370.500	2.073.370.500	1.425.013.150	1.425.013.150
- Công ty Cổ phần Dịch vụ tàu Biển Đình Vũ	1.637.496.000	1.637.496.000	1.421.200.000	1.421.200.000
- Phải trả nhà cung cấp khác	6.562.618.938	6.562.618.938	3.237.043.633	3.237.043.633
	<u>16.983.032.883</u>	<u>16.983.032.883</u>	<u>11.440.264.183</u>	<u>11.440.264.183</u>
	<u>24.372.939.227</u>	<u>24.372.939.227</u>	<u>12.207.301.016</u>	<u>12.207.301.016</u>

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ (*)	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	873.739.947	10.224.234.273	11.097.974.220	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	14.864.440.751	61.675.163.926	58.462.518.310	-	18.077.086.367
Thuế Thu nhập cá nhân	-	499.081.495	13.980.787.758	13.392.033.756	-	1.087.835.497
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	2.190.188.100	-	5.110.438.000	5.110.438.000	2.190.188.100	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	2.190.188.100	16.237.262.193	90.993.623.957	88.065.964.286	2.190.188.100	19.164.921.864

(*) Số phải nộp trong kỳ là số sau khi đã bù trừ thuế GTGT được khấu trừ 13.418.136.392 VND.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨCảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
- Phí dịch vụ bảo vệ, cước điện thoại	21.681.905	268.503.223
	<u>21.681.905</u>	<u>268.503.223</u>

17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	217.780.118	440.499.570
- Bảo hiểm thất nghiệp	13.069.894	12.982.568
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.786.669.350	1.682.829.350
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.650.633.528	5.490.906.308
	<u>6.668.152.890</u>	<u>7.627.217.796</u>

18 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
- Dự phòng sửa chữa lớn tài sản cố định	8.000.000.000	26.000.000.000
- Dự phòng quỹ tiền lương	6.160.188.100	16.450.000.000
	<u>14.160.188.100</u>	<u>42.450.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ
Cảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	400.000.000.000	137.307.173.950	448.338.970.866	297.680.470.808	1.283.326.615.624
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	277.126.799.699	277.126.799.699
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(187.500.000.000)	(187.500.000.000)
Số dư cuối kỳ trước	400.000.000.000	137.307.173.950	448.338.970.866	387.307.270.507	1.372.953.415.323
Số dư đầu kỳ này	400.000.000.000	137.307.173.950	448.338.970.866	387.307.270.507	1.372.953.415.323
Lãi trong kỳ này	-	-	-	283.380.354.744	283.380.354.744
Phân phối lợi nhuận	-	-	43.626.799.699	(277.126.799.699)	(233.500.000.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2022 (*)	-	-	-	(40.000.000.001)	(40.000.000.001)
Số dư cuối kỳ này	400.000.000.000	137.307.173.950	491.965.770.565	353.560.825.551	1.382.833.770.066

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 10 ngày 18 tháng 10 năm 2022, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	277.126.799.699
Trích Quỹ đầu tư phát triển	15,74%	43.626.799.699
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	12,09%	33.500.000.000
Chi trả cổ tức (bằng 50% vốn điều lệ)	72,17%	200.000.000.000

(*) Theo Nghị quyết số 25/NQ - HĐQT ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng Quản Trị về việc tạm ứng cổ tức năm 2022 với mức tạm ứng cổ tức là 10% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	51,00%	204.000.000.000	51,00%	204.000.000.000
Công ty Cổ phần Vật tư Nông Sản	18,70%	74.800.000.000	18,70%	74.800.000.000
Halley Sicav - Halley Asian Prosperity	0,00%	-	4,78%	19.126.300.000
Các cổ đông khác	30,30%	121.200.000.000	25,52%	102.073.700.000
	<u>100%</u>	<u>400.000.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>400.000.000.000</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	400.000.000.000	400.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<u>400.000.000.000</u>	<u>400.000.000.000</u>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<u>400.000.000.000</u>	<u>400.000.000.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ</i>	1.682.829.350	1.654.129.350
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ</i>	240.000.000.000	160.000.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	200.000.000.000	160.000.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận kỳ này	40.000.000.000	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	(239.896.160.000)	(159.971.300.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	(199.896.160.000)	(159.971.300.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận kỳ này	(40.000.000.000)	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ</i>	<u>1.786.669.350</u>	<u>1.682.829.350</u>

d) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.000.000	40.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	40.000.000	40.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	40.000.000	40.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.000.000	40.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	40.000.000	40.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Quỹ đầu tư phát triển	491.965.770.565	448.338.970.866
	<u>491.965.770.565</u>	<u>448.338.970.866</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨCảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

- Hợp đồng số 03/HĐTD ngày 09/01/2006, UBND thành phố Hải Phòng cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ thuê khu đất tại phường Đông Hải 2, Quận Hải An, thành phố Hải Phòng với diện tích là 221.415 m² với thời hạn thuê là 40 năm (từ ngày 19/08/2002 đến ngày 19/08/2042). Căn cứ quyết định số 4120/QĐ - CT của Cục thuế thành phố Hải Phòng ngày 03 tháng 12 năm 2014, Công ty được miễn tiền thuê đất của lô đất trên trong 15 năm (từ tháng 03 năm 2005 đến hết tháng 02 năm 2020). Sau thời gian được miễn giảm tiền thuê đất, Công ty nộp tiền thuê đất theo thông báo hàng năm.

- Hợp đồng thuê đất số 27/2025/HĐTD - MP ký ngày 12/06/2015 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ và Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Minh Phương với tổng diện tích đất thuê là 44.417 m², thời hạn thuê tính từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30/06/2057. Tổng giá trị tiền thuê cho toàn bộ thời gian thuê là 35.292.100.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT 10%).

(Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 13).

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2022	01/01/2022
- Đồng đô la Mỹ (USD)	387.210,87	379.320,37
- Đồng Euro (EUR)	5,14	5,14

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Các khoản nợ được xử lý theo Qui chế tài chính Công ty	1.786.179.934	-

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	584.923.614.755	608.576.114.303
	584.923.614.755	608.576.114.303
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan	4.611.746.854	16.577.445.386
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)		

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	274.417.319.276	289.207.385.525
	274.417.319.276	289.207.385.525
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào:	9.413.873.218	697.306.209
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨCảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	55.070.805.294	48.845.308.493
Cổ tức, lợi nhuận được chia	39.034.684.367	30.732.745.664
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	5.005.080.552	2.836.909.224
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.422.600	-
	99.112.992.813	82.414.963.381

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	188.102.289	143.887.281
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	980.705.147	110.709.535
	1.168.807.436	254.596.816

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	26.021.223	95.686.975
Chi phí nhân công	40.106.704.935	43.377.712.769
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.155.452.233	2.310.752.275
Hoàn nhập dự phòng/chi phí dự phòng	(231.511.467)	25.445.816
Chi phí khác bằng tiền	20.554.201.456	14.843.324.368
	62.610.868.380	60.652.922.203

26 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tiền bồi thường	184.536.000	276.545.455
Thu nhập khác	32.676.432	510.168.526
	217.212.432	786.713.981

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨCảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

27 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Ứng hộ quỹ vacxin phòng chống dịch covid 19	-	2.000.000.000
Nộp quỹ phòng chống thiên tai năm 2021	-	100.000.000
Tiền truy thu và phạt thuế	-	263.063.778
Chi phí khác (*)	1.001.306.238	-
	1.001.306.238	2.363.063.778

(*) Ngày 10/8/2022, Cảng Đình Vũ đón tàu Tiger Maanshan cập vào cầu cảng số 2 CĐV để làm hàng. Trong quá trình đón tàu vào đã xảy ra sự cố tàu Tiger Maanshan đâm va vào cần trục STS 01 của Cảng Đình Vũ dẫn đến cầu trục STS01 bị hư hỏng nặng. Đây là chi phí ban đầu bỏ ra để thuê tư vấn kiểm định chất lượng sau sự cố và chi phí thuê luật sư tư vấn.

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	345.055.518.670	339.299.823.343
Các khoản điều chỉnh tăng	2.354.985.327	2.298.040.540
- Chi phí không hợp lệ	1.374.280.180	2.187.331.005
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	980.705.147	110.709.535
Các khoản điều chỉnh giảm	(39.034.684.367)	(30.732.745.664)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(39.034.684.367)	(30.732.745.664)
Thu nhập chịu thuế TNDN	308.375.819.630	310.865.118.219
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	61.675.163.926	62.173.023.644
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào thuế TNDN phải nộp năm nay	-	68.396.800
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	14.864.440.751	16.363.373.379
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(58.462.518.310)	(63.740.353.072)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	18.077.086.367	14.864.440.751

29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	283.380.354.744	277.126.799.699
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	283.380.354.744	277.126.799.699
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	40.000.000	40.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.085	6.928

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	24.717.422.797	18.832.800.311
Chi phí nhân công	136.812.089.678	152.630.916.898
Chi phí khấu hao tài sản cố định	49.040.629.180	54.037.233.484
Chi phí dịch vụ mua ngoài	75.393.420.006	60.179.155.437
Chi phí khác bằng tiền	51.296.137.462	64.154.755.782
Hoàn nhập dự phòng/chi phí dự phòng	(231.511.467)	25.445.816
	337.028.187.656	349.860.307.728

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨCảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2022				
Tiền	37.477.068.220	-	-	37.477.068.220
Phải thu khách hàng, phải thu khác	83.558.239.930	158.986.000	-	83.717.225.930
Các khoản cho vay	1.053.000.000.000	-	-	1.053.000.000.000
	<u>1.174.035.308.150</u>	<u>158.986.000</u>	<u>-</u>	<u>1.174.194.294.150</u>
Tại ngày 01/01/2022				
Tiền	32.809.393.887	-	-	32.809.393.887
Phải thu khách hàng, phải thu khác	71.274.453.910	194.986.000	-	71.469.439.910
Các khoản cho vay	1.024.000.000.000	-	-	1.024.000.000.000
	<u>1.128.083.847.797</u>	<u>194.986.000</u>	<u>-</u>	<u>1.128.278.833.797</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2022				
Phải trả người bán, phải trả khác	31.041.092.117	-	-	31.041.092.117
Chi phí phải trả	21.681.905	-	-	21.681.905
	<u>31.062.774.022</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>31.062.774.022</u>
Tại ngày 01/01/2022				
Phải trả người bán, phải trả khác	19.834.518.812	-	-	19.834.518.812
Chi phí phải trả	268.503.223	-	-	268.503.223
	<u>20.103.022.035</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>20.103.022.035</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨCảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ	Công ty liên kết
Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ	Công ty liên doanh
Các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty	Lãnh đạo chủ chốt

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày đầu kỳ, kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu	4.611.746.854	16.577.445.386
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	4.468.026.854	16.253.338.086
Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ	143.720.000	324.107.300
Nhận cổ tức	39.034.684.367	30.732.745.664
Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ	39.034.684.367	30.732.745.664
Mua hàng	9.413.873.218	697.306.209
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	9.413.873.218	697.306.209

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thù lao từng thành viên HĐQT, Ban kiểm soát			
Nguyễn Tiến Dũng	Phó Chủ tịch HĐQT	307.520.000	318.834.000
Chu Minh Hoàng	Ủy viên HĐQT	288.300.000	298.904.000
Cao Văn Tĩnh	Ủy viên HĐQT	288.300.000	298.904.000
Nguyễn Việt Hải	Ủy viên HĐQT	288.300.000	298.904.000
Trần Thị Thanh Hải	Trưởng BKS	288.300.000	298.904.000
Cao Xuân Hợp	Thành viên BKS	153.760.000	159.415.000
Vũ Hoàng Lâm	Thành viên BKS	153.760.000	159.415.000
Tiền lương người quản lý, người điều hành doanh nghiệp		3.599.085.795	3.297.459.547
Tiền lương của Tổng giám đốc			
Cao Văn Tĩnh		1.727.259.720	1.515.451.085

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Lê Thị Hải Thành
Người lập



Đoàn Minh Trung
Kế toán trưởng



Cao Văn Tĩnh
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 15 tháng 02 năm 2023



